TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86/2025/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

***Thư ký phiên họp*:** Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Trần Thị Lý Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 140/2025/TLST-VLĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 33/2025/QĐST-LĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số C, ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH K; địa chỉ: Số A, đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

2.2. Bảo hiểm xã hội cơ sở L; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2.3. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường P, tỉnh Đồng Tháp); địa chỉ liên lạc: Số A B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thúy A có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà có đến liên hệ Bảo hiểm xã hội T để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà được Bảo hiểm xã hội T1 thông báo thời điểm từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010 bà có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH K. Vào thời gian trên bà có cho bà Nguyễn Thị Diễm T mượn giấy chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng với Công ty TNHH K với tên

của bà và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010. Thực tế trong thời gian trên bà không làm việc tại Công ty TNHH K. Trong khoảng thời gian trên bà làm việc tại công ty khác và có tham gia BHXH.

Nay, bà A yêu cầu giải quyết như sau: Tuyên hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010 giữa bà Nguyễn Thị Thúy A (do bà Nguyễn Thị Diễm T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K bị vô hiệu. Bà Nguyễn Thị Thúy A không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Vào thời điểm năm 2010, bà chưa đủ tuổi lao động nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên bà đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị Thúy A để làm hồ sơ lao động. Bà đã mượn thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị Thúy A và đã làm việc tại Công ty TNHH K khoảng từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010, sau đó bà nghỉ việc tại Công ty TNHH K. Khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010 bà Nguyễn Thị Thúy A cũng đang làm việc tại Công ty khác. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thúy A đã bị đóng trùng bảo hiểm từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy A về việc tuyên hợp đồng lao động từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010 giữa bà Nguyễn Thị Thúy A và Công ty TNHH K bị vô hiệu thì bà đồng ý, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Bảo hiểm xã hội cơ sở L trình bày*:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH K cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị Thúy An S năm 1990, số CMND 341459917; số CCCD 087190004149, với mã số BHXH 7410063939 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 5/2010 đến tháng 12/2010 tại Công ty TNHH K. Đã được BHXH cơ sở Lái Thiêu xác nhận chốt sổ cấp tờ rời sổ BHXH ngày 18/5/2011.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Riêng Công ty TNHH K không chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy A là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm T và Bảo hiểm xã hội cơ sở L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Riêng Công ty TNHH K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 12/2010, người lao động tên

Nguyễn Thị Diễm T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và được Công ty TNHH K, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410063939. Tuy nhiên, bà T và bà A đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và thực tế làm việc tại công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 12/2010 là bà Nguyễn Thị Diễm T (do bà A cho bà T mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà T, bà A phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 12/2010, bà A đang làm việc tại Công ty TNHH K, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7409117955. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K trong khoảng thời gian tháng 05/2010 đến tháng 12/2010 là bà Nguyễn Thị Diễm T, không phải là bà Nguyễn Thị Thúy A.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc bà T mượn hồ sơ cá nhân của bà A để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410063939 từ tháng 05/2010 đến tháng 12/2010 tại Công ty TNHH K là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy A về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thúy A với Công ty TNHH K theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410063939 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà A và ý kiến của bà T về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH K trong giai đoạn từ tháng 05/2010 đến tháng 12/2010 là bà Nguyễn Thị Diễm T, không

phải là bà Nguyễn Thị Thúy A. Bà A và bà T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410063939.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Thúy A.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thúy A với Công ty TNHH K (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410063939) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410063939 không phải là bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1990, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 087190004149. Bà Nguyễn Thị Thúy A và bà Nguyễn Thị Diễm T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410063939.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0005645 ngày 25/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Bạch Tuyết